

# Tiếp cận hoạt động trong giáo dục kỹ năng tương tác xã hội cho học sinh khiếm thị tiểu học hòa nhập

ĐỖ THỊ THANH THỦY\*

Ngày nhận bài: 16/08/2016; ngày sửa chữa: 16/08/2016; ngày duyệt đăng: 17/08/2016.

**Abstract:** Social interaction skill education for students with visual impairments is to ensure their behaviors meet the requirements of social interaction. This must be implemented through activities to promote social interaction skills for children with visual impairments and help these children integrate into community.

**Keywords:** Social interaction skills, inclusive education, children with visual impairments, operational approach, primary education.

Đảng và Nhà nước ta xác định: “Giáo dục hòa nhập (GDHN) là hướng đi chính, đảm bảo cơ hội được học tập và phát triển cho mọi trẻ khuyết tật (TKT). Đồng thời phù hợp với các điều kiện thực tiễn giáo dục (GD) Việt Nam và xu thế phát triển GD TKT thế giới” [1; tr 4]. Trong môi trường GDHN, có kỹ năng tương tác xã hội (KNTTXH) phát triển tốt là điều kiện rất cần thiết cho việc tạo lập, duy trì và phát triển mối quan hệ tương tác giữa các học sinh (HS), đặc biệt là giữa HS khuyết tật và HS không khuyết tật. Những KNTTXH được coi là “vốn kiến thức về những hành vi được chấp nhận về mặt xã hội và những kỹ năng để đạt được sự độc lập và tăng cảm giác giá trị hơn về bản thân” [2; tr 51].

Trong lớp học hòa nhập có học sinh khiếm thị (HSKT), việc học và biết sử dụng những KNTTXH phù hợp được xác định “là một nhu cầu cực kì quan trọng khi học trong môi trường GDHN” (Hatlen, 1987; Sacks, 1982, ...) [2]. Đặc biệt đối với HSKT, do có khó khăn về khả năng thị giác nên các em thường có những hạn chế trong phát triển KNTTXH như: Mức độ tương tác thấp (Michael J. Guralnick & Joseph M. Groom, 1985; Imamura, S. 1965); Trong tương tác, HSKT thường là “người nhận” hơn là “người khởi xướng” (Crocker A.D., and Orr R.R., 1996); Trong thời gian chơi, cả ở môi trường chuyên biệt và môi trường hòa nhập, trẻ khiếm thị và những trẻ có các dạng khuyết tật khác dành phần lớn thời gian của cá nhân để chơi một mình... (Erwin E.J., (1993), [3].

Chương trình GD ở các trường phổ thông hòa nhập đã tập trung vào nhu cầu học vấn của HS, nhưng những KNTTXH cần thiết cho cuộc sống hòa nhập lại chưa được quan tâm đúng mức. Đặc biệt, HSKT có sự thiếu hụt, hạn chế đáng kể về số lượng và chất lượng các KNTTXH thiết yếu để tạo được mối tương tác xã hội (TTXH) hiệu quả trong môi trường lớp học

hòa nhập. Nghiên cứu tiếp cận hoạt động trong GD KNTTXH cho HSKT tiểu học hòa nhập dựa trên quan điểm duy vật biện chứng về mối quan hệ tương hỗ giữa môi trường, hoạt động, giao tiếp và sự phát triển nhân cách, đề xuất các biện pháp GD nhằm phát triển KNTTXH và góp phần nâng cao chất lượng GDHN cho HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT.

## 1. Một số khái niệm cơ bản

**1.1. Kỹ năng tương tác xã hội.** Bài viết đề cập tới KNTTXH theo cách tiếp cận mô hình định nghĩa thành phần (Foster & Ritchey, 1979; Hersen & Bellack, 1977; McFall, 1982 và Scack, 1992). Theo cách tiếp cận này, KNTTXH được hiểu là “những đơn vị có thể quan sát được của hành vi lời nói và phi lời nói, có được do việc học, khi được kết hợp lại, có thể tăng cường những tương tác thành công trong những tình huống cụ thể” [4; tr 5]. Đây là định nghĩa được sử dụng rộng rãi, đặc biệt trong lĩnh vực tâm lý, tâm bệnh học và GD để xây dựng các chiến lược luyện tập, hình thành KNTTXH cho HS. Kelly (1982) lưu ý rằng: “các cá nhân sử dụng (những kỹ năng này) trong những tình huống tương tác liên cá nhân để đạt được hoặc duy trì những phản hồi tích cực trong môi trường của mình” [5; tr 58].

**1.2. Giáo dục kỹ năng tương tác xã hội.** Mục tiêu GD kỹ năng là phát triển ở chủ thể năng lực biết làm và biết tự khẳng định, khác với mục tiêu nội dung chỉ giới hạn ở việc nắm được kiến thức. Do đó GD KNTTXH cho HSKT chính là hình thành năng lực thể hiện những hành vi mong muốn của HS trong TTXH hay nói cách khác là hình thành cho HS những đặc điểm về hành vi để đáp ứng các đòi hỏi của hoạt động TTXH, để quá trình TTXH được diễn ra và đạt kết quả.

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

GD kĩ năng được hiểu là hình thành năng lực thể hiện những hành vi mong muốn của HS. Do đó, có thể hiểu GD KNTTXH cho HSKT tiểu học hòa nhập là quá trình hình thành năng lực thể hiện những hành vi mong muốn của HSKT trong TTXH. Điều này cũng có nghĩa là hình thành cho HS những đặc điểm về hành động đáp ứng các đòi hỏi của hoạt động TTXH với các bạn trong trường/lớp học, để quá trình TTXH giữa các HS (đặc biệt là giữa HS và HSKT) được diễn ra và đạt kết quả.

TTXH cần sự tác động qua lại giữa các cá nhân, do đó GD KNTTXH cho HSKT trong trường/lớp học hòa nhập cần chú ý tác động GD đến cả hai đối tượng HS: sáng mắt và khiếm thị. Trong khuôn khổ nội dung bài viết này tập trung chủ yếu tới đối tượng HSKT.

**1.3. Trẻ khiếm thị.** Nhìn chung, thuật ngữ khiếm thị có thể đề cập đến bất cứ trường hợp nào mà mắt không thể nhìn được như *"bình thường"*. Trong GD, các quan điểm định nghĩa về khiếm thị của các nhà GD khá rõ ràng khi xem xét khái niệm khiếm thị trên cơ sở nhìn nhận khả năng, nhu cầu và những hỗ trợ cần thiết đối với cá nhân: TKT là "trẻ có khiếm khuyết về thị giác mà khiếm khuyết đó ảnh hưởng tới khả năng học tập, sinh hoạt. Do đó trẻ cần các phương pháp dạy học phù hợp và được cung cấp phương tiện, thiết bị đặc thù (quang học hoặc phi quang học) để tham gia học tập theo chương trình giáo dục phổ thông" [6; tr 47].

## 2. Tiếp cận hoạt động trong giáo dục KNTTXH

Tiếp cận hoạt động trong GD KNTTXH bắt nguồn từ quan điểm của các nhà Tâm lí học hoạt động như: L.X.Vugotki, X.L Rubinstein, A.N Leonchev (Liên Xô trước đây) cùng với nhiều nhà tâm lí của Đức, Pháp, Bungari sáng lập. Khi tìm hiểu cơ sở hình thành tâm lí [7], có cơ sở lí luận và phương pháp luận từ Triết học Mác -Lênin. Các nhà Tâm lí học hoạt động cho rằng: Tâm lí là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người. Tâm lí người có cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội, được hình thành trong hoạt động, giao tiếp và trong các mối quan hệ xã hội. Vì thế, tâm lí người mang bản chất xã hội và mang tính lịch sử, là *sản phẩm của hoạt động và giao tiếp*.

Tiếp cận hoạt động trong GD KNTTXH là sự vận dụng phương pháp hệ thống vào nghiên cứu thế giới tâm lí con người. Phương pháp tiếp cận này nghiên cứu tâm lí con người ở ba cấp độ: Hoạt động (tương ứng với động cơ) - hành động (tương ứng với mục đích cụ thể) là đơn vị của hoạt động - thao tác (tương ứng với các điều kiện và phương tiện thực hiện) là những hành vi, là "biểu hiện bên ngoài của hành động" [8; tr 9].

Hoạt động là sự tương tác tích cực của chủ thể với đối tượng, nhằm biến đổi đối tượng theo mục tiêu, thỏa mãn nhu cầu của con người và được điều chỉnh, điều khiển bởi mục đích tự giác, gắn nhận thức và ý chí. Cũng theo V.Bagiovic thì "vấn đề hoạt động là vấn đề tổ chức hành vi" [6; tr 106]. Điều này có nghĩa muốn kiểm soát hành động thì cần tập trung chú ý hệ thống thao tác. Tuy nhiên giáo dục KNTTXH cho HS không phải chỉ dừng lại ở cấp độ hình thành thao tác của hành động (hành vi tương tác) mà cần tiến hành cùng với việc GD nhu cầu tương tác vì những thao tác này được điều chỉnh bởi chủ thể có ý thức. Những thao tác hành vi này là những biểu hiện bên ngoài của hành động nhưng lại được điều chỉnh bởi cấu trúc tâm lí bên trong của chủ thể, đó là *sự thống nhất giữa nội dung tâm lí, ý thức bên trong với hình thức bên ngoài*. Trong trường hợp này, hành vi được coi như là sự "tổ hợp các cử động, thao tác, là mặt bề ngoài của hoạt động" [10; tr 215]. Những hành vi này tạo nên những phản ứng tích cực từ những người khác trong những tình huống tương tác và khuyến khích sự phát triển những mối quan hệ liên cá nhân (những mối quan hệ tích cực).

Phương pháp tiếp cận hoạt động khẳng định: "Phản ánh tâm lí ý thức không tách rời hoạt động, hoạt động vừa tạo ra tâm lí, vừa sử dụng tâm lí làm khâu trung gian của hoạt động tác động vào đối tượng" [11; tr 56] và "hoạt động của mỗi cá nhân là nguồn gốc của sự hình thành và phát triển tâm lí cá nhân đó" [12; tr 41]; Sản phẩm hoạt động phản ánh năng lực của mỗi cá nhân, điều này cũng có nghĩa là KNTTXH của cá nhân chỉ có thể được hình thành bằng hoạt động và thông qua hoạt động - đó là hoạt động tương tác giữa các cá nhân với những vai trò xã hội nhất định.

## 3. GD KNTTXH cho HSKT theo hướng tiếp cận hoạt động

Để có thể hình thành và phát triển những KNTTXH cho HSKT một cách hiệu quả, giáo viên (GV) cần dựa trên những đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi của HS tiểu học cũng như những khó khăn đặc thù của HSKT do những ảnh hưởng của tật thị giác tới sự phát triển KNTTXH của HSKT để thường xuyên tổ chức các hoạt động TTXH hấp dẫn, hứng thú cho HSKT trên cơ sở có tính đến mức độ phù hợp với khả năng và nhu cầu của HSKT - đó là các khả năng nhạy cảm của các giác quan được thường xuyên luyện tập và nhu cầu hỗ trợ về định hướng và di chuyển, nhu cầu hỗ trợ sử dụng các giác quan còn lại trong hoạt động và nhận biết sự vật hiện tượng và bối cảnh tương tác... Các hoạt động TTXH này có thể lồng ghép, kết hợp

các nội dung GD KNTTXH cho HSKT trong tất cả các hoạt động tương tác (các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi) của HS ở trường, lớp.

### **3.1. Biện pháp xây dựng và điều chỉnh môi trường hoạt động tương tác của HS:**

**3.1.1. Mục tiêu:** Việc xây dựng và điều chỉnh môi trường hoạt động tương tác của HS sẽ tạo kích thích, điều kiện thuận lợi cho HS trong các hoạt động tương tác cũng như hình thành ý thức thực hiện tương tác của HS. Đó là môi trường giúp HS dễ tiếp cận, an toàn, thoải mái trong các hoạt động TTXH với các bạn cũng như hình thành ý thức, tình cảm cho HS trong việc thực hiện các hành động tương tác trong mối quan hệ với các bạn. Trong môi trường đó, HS nhận được sự đồng cảm, chia sẻ một cách tích cực từ GV và các bạn trong lớp, HS có hứng thú, được khuyến khích, mạnh dạn, tự tin, tích cực, chủ động và thuận lợi khi tham các hoạt động tương tác cũng như tăng cường tự khám phá, lĩnh hội kiến thức, luyện tập và rèn luyện KNTTXH. Đặc biệt HSKT được tạo cơ hội để trở nên mạnh dạn, tự tin, thuận lợi hơn khi tham gia các hoạt động tương tác với các bạn.

**3.1.2. Nội dung:** - Tổ chức sắp xếp, điều chỉnh các điều kiện để kích thích và tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia các hoạt động tương tác của HS; - Xây dựng và điều chỉnh môi trường văn hóa; GD hướng tới các chuẩn mực trong TTXH ở lớp học hòa nhập có HSKT: + Xây dựng và điều chỉnh môi trường văn hóa vật chất để thể hiện và truyền tải thông tin về những yêu cầu và những giá trị trong lớp học hòa nhập có HSKT; + Xây dựng và điều chỉnh môi trường tâm lí trong lớp học (bầu không khí tâm lí giữa HS - HS và giữa GV - HS) thông qua mối quan hệ giữa các thành viên trong lớp học (GV - HS sáng mắt - HSKT).

**3.1.3. Cách thực hiện:** - Nguyên tắc sử dụng những điều chỉnh: + Các nguồn thông tin làm cơ sở cho ý tưởng điều chỉnh: GV cần quan sát HS hoạt động trong một số sự điều chỉnh khác nhau để quyết định sự điều chỉnh nào là tốt nhất và cho trẻ tham gia càng nhiều càng tốt vào quá trình quyết định các điều chỉnh (ví dụ: Có cần sự điều chỉnh không, điều chỉnh những gì và như thế nào...); + Những điều chỉnh không phải lúc nào cũng cần thiết, nguyên tắc quan trọng là: Tập dụng tối thiểu tính thích nghi cần thiết để HS hoàn thành nhiệm vụ. Đối với HSKT, GV cần chú ý tổ chức, sắp xếp, điều chỉnh môi trường hoạt động phù hợp với tật thị giác, tạo được điều kiện thuận lợi cho HSKT mà không bị quá tốn kém về chi phí; + Thực hiện các sắp xếp, điều chỉnh phù hợp với HSKT: HSKT có nhu cầu cần được hỗ trợ thị giác và tiếp nhận thông tin qua các

giác quan khác (đặc biệt là xúc giác và thính giác), nhu cầu định hướng và di chuyển. Cần chú ý kết hợp việc tận dụng khả năng của tất cả các giác quan để bù trừ cho khả năng thị giác đã bị thiếu hụt của HSKT để HSKT có sự tri giác đầy đủ về các hiện tượng thế giới xung quanh trong các hoạt động hàng ngày. Với HS nhìn kém, cần khuyến khích HS sử dụng chức năng của thị giác để thực hiện nhiều nhiệm vụ trong cuộc sống với sự trợ giúp của các dụng cụ trợ thị quang học.

**1) Quá trình thực hiện:** - Tổ chức, sắp xếp, điều chỉnh các điều kiện của môi trường hoạt động của HS:

- **Không gian:** trong lớp học được phân chia rõ ràng cụ thể, cố định, đủ rộng và thuận tiện cho HS hoạt động. Đặc biệt HSKT khi sử dụng các phương tiện trợ thị, sách chữ nổi... cần nhiều không gian hơn; Sắp xếp bàn ghế và đồ dùng trong lớp có tổ chức, ổn định, khi có sự thay đổi cần báo trước cho HS để làm quen.

- **Thời gian:** cần đủ để HS hoàn thành nhiệm vụ của mình, đặc biệt là HSKT cần nhiều thời gian hơn để nhận biết thông tin.

- **Vị trí của HS trong lớp:** Thay đổi chỗ ngồi thường xuyên để các HS, đặc biệt là HSKT, có cơ hội để tiếp xúc với nhiều với bạn trong lớp học. Vị trí của HSKT trong lớp học cần được dễ tiếp cận các hoạt động và đồ dùng, thuận lợi để quan sát các hoạt động mà không bị tách biệt với các bạn.

- **Âm thanh:** Hạn chế tiếng ồn bằng cách các biện pháp cách âm; Sử dụng các âm thanh để giúp HSKT thu thập thông tin và định hướng không gian.

- **Ánh sáng:** Hạn chế ảnh hưởng của nguồn sáng gây bóng hoặc lóa mắt cho HS. Đặc biệt HS nhìn kém có nhu cầu về ánh sáng rất khác nhau, vì vậy GV cần chú ý điều chỉnh lượng sáng và khuyến khích HSKT sử dụng những thiết bị mắt phù hợp.

- **Đồ dùng/đồ chơi và trang thiết bị dạy học:** Lựa chọn dụng cụ trực quan có màu sắc, âm thanh kích thích các giác quan của HS; Đối với HSKT, cần có đồ dùng và thiết bị hỗ trợ thị giác (giúp HSKT nhận biết, theo dõi nội dung), hỗ trợ xúc giác (có sự khác biệt về bề mặt để dễ dàng nhận biết), Mô hình/vật mẫu đảm bảo càng giống thật càng tốt về các đặc điểm: kích cỡ, bề mặt, và những đặc điểm khác và cần chỉ ra cho HSKT biết bất cứ sự khác biệt nào giữa mô hình và vật thật.

**2) Xây dựng và điều chỉnh môi trường văn hóa:** - GD hướng tới các chuẩn mực trong TTXH ở lớp học hòa nhập có HSKT: Xây dựng và điều chỉnh môi trường văn hóa vật chất trong lớp học: Thiết lập nên các bảng nội quy/trang trí, bài trí/trình bày lớp học với những hình ảnh về những hành động mà HS cần thực hiện

hoặc không được phép thực hiện trong lớp học hòa nhập có HSKT, thể hiện các giá trị trong tương tác giữa các HS trong lớp học hòa nhập có HSKT.

Xây dựng và điều chỉnh môi trường tâm lý trong lớp học thông qua việc thực hiện:

- *Tác động tới HS bằng nhân cách mẫu mực của GV để tạo nên một ảnh hưởng tích cực tới sự nhìn nhận của HS về sự khác biệt, đa dạng giữa các cá nhân trong lớp học và thúc đẩy tình bạn giữa các HS.* GV cần có thái độ, hành động, ngôn ngữ thể hiện sự tôn trọng, quan tâm đối với tất cả HS trong lớp học, tập trung vào khả năng, điểm mạnh và sự giống nhau giữa các HS hơn là sự khác biệt và những khó khăn của HS, xác nhận sự tham gia của tất cả các HS đều mang lại những lợi ích nhất định cho lớp học.

- *Tạo cơ hội để giữa các HS có sự chia sẻ cách nhìn nhận, thái độ và cách hành động để tăng sự gần gũi và thiện chí tương tác giữa các HS:* Tổ chức để giữa HS và HSKT tự tìm hiểu xem mình có thể giúp gì cho nhau, HS trải nghiệm với tật khiếm thị; Tổ chức các buổi thảo luận, trao đổi, chia sẻ giữa các HS về khả năng của bản thân...

- *Tổ chức các hoạt động thực tiễn hướng tới các thái độ với các giá trị cần hình thành cho HS:* Tổ chức HS tham gia các hoạt động văn hóa - xã hội, lễ hội... thể hiện những giá trị truyền thống tích cực về quan hệ ứng xử; Tổ chức HS tự sưu tầm và trình bày trước lớp những bài hát, bài thơ, tục ngữ, ca dao, những câu chuyện kể... về tình bạn và cách ứng xử thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, yêu thương, nhân hậu...

- *Xây dựng dư luận của nhóm, tập thể lớp học thể hiện sự đồng tình đối với việc thực hiện các hành động có ý nghĩa, động cơ thể hiện giá trị đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ trong quan hệ tương tác bạn bè thông qua việc thông qua các cách nêu gương, khen ngợi ...* Việc nêu gương, khen ngợi có thể được thực hiện thường xuyên trong các tiết học, sau một ngày học và trong các buổi sinh hoạt chung của cả lớp, các tấm gương điển hình có thể được khen trước trường hoặc được tổ chức thành các đợt thi đua theo tuần, tháng, học kỳ và nhân dịp kỉ niệm các ngày lễ trong năm...

- *GD bằng những tấm gương cụ thể:* "tạo dựng" các mô hình hành vi mẫu của bạn bè để HS được củng cố biểu tượng đúng về hành vi và các thao tác hành động của một KNTTXH nào đó mà GV cần hình thành cho HS; *Biện pháp giảm những hành vi không mong đợi xuất hiện ở HS:* Lờ đi những hành vi không mong đợi (nếu không gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới các HS khác) hoặc nhắc nhở đi kèm phân tích nguyên nhân và điều kiện nảy sinh hành động,

uốn nắn, sửa chữa kịp thời những hành vi này khi xuất hiện.

#### *3.1.4. Điều kiện:*

- KNTTXH của HS cần được đánh giá một cách thường xuyên (hàng ngày) qua quan sát các hoạt động tương tác của HS và đánh giá định kỳ (sau một thời gian thực hiện GD KNTTXH). Căn cứ vào kết quả đánh giá, GV có những nhận xét về tiến bộ của HS, những điều chỉnh/bổ sung (về nội dung mục tiêu, biện pháp GD). GV cũng cần rút kinh nghiệm, có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung cho phân kế hoạch tiếp theo; + GV biết huy động sự tham gia, đóng góp của phụ huynh HS trong một số hoạt động liên quan; + Tổ chức hoạt động cần lồng ghép cùng với các buổi sinh hoạt lớp và những dịp tổ chức lễ hội của nhà trường; + Tổ chức các hoạt động thực tiễn hướng tới các giá trị cần hình thành trong TTXH cho HS như: chia sẻ, hợp tác, quan tâm, giúp đỡ...

- *Các biện pháp thực hiện:* + Tổ chức các hoạt động cung cấp và chia sẻ thông tin (tìm hiểu khả năng và nhu cầu) giữa các cá nhân HS; + Tổ chức HS tham gia các hoạt động văn hóa dân tộc thể hiện những giá trị truyền thống được tổ chức trong và ngoài nhà trường; + Tổ chức các hoạt động tương tác hợp tác với các vị thế cân bằng giữa các HS một cách thường xuyên; + Hợp tác nhóm giữa các HS trong học tập; + Hợp tác nhóm giữa các HS trong vui chơi; + Xây dựng và sử dụng các trò chơi đóng vai với những tình huống tương tác đa dạng; + Tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng cho các cá nhân HS và nhóm HS đối với các hành động tương tác tốt nhằm củng cố các biểu tượng hành động TTXH cho HS.

#### *3.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp GD:*

- Kế hoạch GD cần thể hiện tính logic, hệ thống của quá trình GD, tính đa dạng, phong phú của các hoạt động và quan tâm đến sự phát triển cá nhân của mỗi HS; - Kế hoạch GD cần linh hoạt, có thể tiến hành lồng ghép, tích hợp nội dung GD KNTTXH cho HS vào nội dung các bài học và nội dung chương trình GD chung trong các hoạt động hoặc sự kiện đang diễn ra đối với lớp học và HS. Ví dụ: Nội dung bài học môn *Tự nhiên xã hội, Đạo đức, GD kĩ năng sống...* và hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi hàng ngày của HS, theo các nội dung thi đua, chủ điểm trong tuần/tháng/năm học... - Trong quá trình lập kế hoạch GD, GV cần phải chú ý đến việc tiếp cận cá biệt với từng HS và nhóm HS trên cơ sở về nhu cầu và hứng thú hoạt động, nhờ vậy mà yêu cầu của GV đối với HS không bị quá cao hay quá thấp so với khả năng của từng HS, tránh cho HS có cảm giác chán nản, không thích

tham gia vào hoạt động. GV có thể dựa vào sở thích để giao nhiệm vụ cho HS; - Có sự phối hợp, thống nhất tham gia của phụ huynh HS và các lực lượng GD khác để đảm bảo thực kế hoạch GD KNTTXH được thực hiện thành công.

\*\*\*

Để đáp ứng tính đa dạng của HS trong lớp hòa nhập có HSKT, trong quá trình hướng dẫn luyện tập và rèn luyện KNTTXH cho HS, GV cần lưu ý một số nguyên tắc cơ bản trong lớp học hòa nhập: hòa nhập tất cả các HS; giao tiếp hiệu quả với tất cả HS; HS làm việc cùng nhau; giúp đỡ cá nhân HS. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2005). *Mười năm thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật Việt Nam*.  
 [2] Sharon Zell Sacks and Karen E. Wolffe (2005). *Teaching social skills to students with visual impairments*. AFB Press, USA.  
 [3] Tana D'Allura (2002). *Enhancing the social interaction skills of preschooler with visual impairments*. Volume 96, JVIIB.  
 [4] Robin Loumiet and Nancy Levack (1991). *Independent Living, volume 1: Social Competence, Texas school for the blind and visual impaired*.

- [5] Karen E. Wolffe - Sharon Z. Sacks - Karen L. Thomas (2000). *Focused on: Importance and Need for Social Skills, American Foundation for the Blind (AFB Press)*.  
 [6] Nguyễn Đức Minh (2008). *Giáo dục trẻ khiếm thị*. NXB Giáo dục.

[7] Website: [https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2m\\_l%C3%BD\\_h%E1%BB%8Dc](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2m_l%C3%BD_h%E1%BB%8Dc)  
6.81.64.

- [8] Phạm Minh Hạc (1990). *Phương pháp tiếp cận hoạt động - nhân cách và giáo dục hiện đại, Hội nghị quốc tế lần II về nghiên cứu lý thuyết hoạt động, Phần Lan*.  
 [9] N. A Lyalin - A.C.Kavaliop - L.L Bôgiôvic (1969). *Cơ sở tâm lý học của đức dục*. NXB Giáo dục.

- [10] Phạm Minh Hạc (1989). *Hành vi và hoạt động*. NXB Giáo dục.  
 [11] Võ Nguyên Du (2001). *Một số nội dung và biện pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em trong gia đình*. Luận án tiến sĩ giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- [12] Phan Trọng Ngọ - Dương Diệu Hoa - Nguyễn Thị Mùi (2000). *Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.  
 [13] Jones, R. L. - Lavine, K. - Shell, J. (1972). *Blind children integrated in classrooms with sighted children, Asociometric study, New Outlook for the Blind*.

## Các yếu tố ảnh hưởng đến...

(Tiếp theo trang 83)

hưng phấn của các tế bào thần kinh ở những vùng khác của não bộ [7]. Kết quả đó cho thấy những kĩ năng được hình thành với cảm xúc tích cực, hay nói cách khác là sự hứng thú của người học sẽ được nhanh hơn và bền vững hơn. Như vậy, nội dung luyện nói cho TKT cần thực sự tạo được hứng thú cho trẻ nhằm hình thành nhanh hơn và bền vững hơn những mục tiêu trong phát triển NNN.

**2.4. Sự tham gia của gia đình.** Các nhà chuyên môn/chuyên gia trị liệu/giáo viên cần hướng dẫn cho phụ huynh những kĩ thuật, phương pháp dạy hiệu quả trong việc trị liệu cho TKT. Phụ huynh cần tiếp thu các kĩ năng đó để làm chủ được việc luyện nghe và phát triển NNN cho trẻ. Việc này đòi hỏi cha mẹ phải tham gia vào quá trình đánh giá trẻ ngay từ đầu để biết được khả năng của trẻ, hỗ trợ việc định ra các mục tiêu cụ thể. Đồng thời phụ huynh có thể trực tiếp thiết kế chương trình can thiệp, trị liệu tại nhà nhưng cần đảm bảo phù hợp với mục tiêu của chương trình can thiệp sớm tại trường, với sự hướng dẫn của các nhà chuyên môn/nhà trị liệu/giáo viên.

\*\*\*

Do những khiếm khuyết về thính giác, sự phát triển NNN của TKT bị ảnh hưởng hết sức nặng nề. Tiếng nói của TKT không tự hình thành và phát triển được thông qua giao tiếp hàng ngày như những trẻ bình thường khác. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển NNN của TKT. Do đó, cha mẹ trẻ, giáo viên và nhà trị liệu cần phải hiểu rõ các yếu tố đó cũng như mức độ ảnh hưởng để có thể đưa ra được những can thiệp, hỗ trợ một cách phù hợp nhất nhằm giúp trẻ phát triển NNN một cách có hiệu quả, hướng tới mục tiêu hoà nhập với cộng đồng, đảm bảo chất lượng giáo dục TKT một cách toàn diện hơn. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Quigley, S. - Paul, P. (1984). *Language and deafness*. College-Hill Press.  
 [2] Trezek, B. J. Wang, Y. - Paul, P. V (2010). *Reading and deafness: Theory, research, and practice*. Clifton Park, NY: Delmar, Cengage Learning.  
 [3] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2007). *Đại cương về giáo dục trẻ khuyết tật*. NXB Đại học Sư phạm.  
 [4] Trung tâm nghiên cứu Trẻ khuyết tật (1989). *Quá trình nhận thức ngôn ngữ ở trẻ khuyết tật*. NXB Đại học Sư phạm.  
 [5] Wake, M., Poulakis, Z., Hughes, E. K., Carey-Sargeant, C. & Rickards, F. W (2005). *Hearing impairment: A population study of age at diagnosis, severity and language outcomes at 7-8 years*. Archives of Disease in Childhood, 90, PP. 238-244.